

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Huyện ủy Lạc Dương ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Đặc điểm tình hình

Lạc Dương là huyện phía Bắc của tỉnh Lâm Đồng, phụ cận thành phố Đà Lạt, có 6 đơn vị hành chính cấp xã (5 xã và 01 thị trấn); diện tích tự nhiên hơn 1.313 km²; dân số hiện có 31.204 nhân khẩu/7.382 hộ, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 21.142 nhân khẩu/4.978 hộ (chiếm 67,75%), số người trong độ tuổi lao động là 19.606 (chiếm 62,83% dân số huyện).

Những năm gần đây, kinh tế của huyện đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh và khá ổn định. Do vậy, huyện có điều kiện đầu tư cho phát triển, trong đó xác định nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng đô thị thông minh, chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng, là xu thế tất yếu, nên đã có sự quan tâm đúng mức và triển khai kịp thời, đạt được nhiều kết quả quan trọng.

2. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số thời gian qua

Quán triệt và triển khai kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số, trong hơn 10 năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, việc ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai chính quyền điện tử, triển khai chuyển đổi số trên địa bàn huyện Lạc Dương đã được quan tâm triển khai và đạt được những kết quả quan trọng:

- Hệ thống mạng băng rộng cáp quang, mạng di động 3G, 4G đã được phủ sóng đến 100% xã, thị trấn trên địa bàn, đảm bảo thông tin liên lạc luôn thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, thông tin liên lạc của Nhân dân; sẵn sàng đáp ứng nhu cầu truy nhập tốc độ cao của các ứng dụng, dịch vụ phục vụ chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng dành riêng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước đã được đầu tư và kết nối thông suốt từ huyện đến xã không chỉ đảm bảo cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc mà còn phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc thông qua môi trường mạng. Đã kết nối LGSP của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phần mềm quản lý điều hành văn bản và chữ ký số; trực liên thông văn bản; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến; cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực... Đây là các hạ tầng nền tảng để phát triển chính quyền điện tử các cấp theo tinh thần Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 29/3/2019 của Chính phủ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại hạn chế đó là: Việc đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, triển khai các giải pháp tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số còn chậm, thiếu đồng bộ; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn ngại làm việc trên môi trường mạng, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao để triển khai các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số; công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin chưa được quan tâm đúng mức.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại hạn chế trên là do một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng, chưa quyết tâm cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; việc triển khai có nơi mang tính hình thức, đối phó; chưa phát huy vai trò của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện, chưa có chế tài cụ thể để đảm bảo thực thi nhiệm vụ; chưa xác định rõ lộ trình, nguồn lực và các mục tiêu ưu tiên cần triển khai thực hiện; công tác tuyên truyền và huy động các nguồn lực xã hội còn hạn chế.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

Quán triệt sâu, kỹ quan điểm chỉ đạo trong Văn kiện và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về đẩy mạnh chuyển đổi số; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để xác định rõ lộ trình, nguồn lực triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn địa phương và có tính khả thi cao; cụ thể:

- Chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài của hệ thống chính trị và toàn

xã hội, chuyển đổi số mang lại cả cơ hội và thách thức đòi hỏi các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân phải thay đổi để phù hợp với sự tiến bộ của công nghệ. Thực hiện chuyển đổi số kết hợp chặt chẽ giữa sáng tạo và phát huy nội lực, hướng đến phát triển ổn định, bền vững.

- Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền cần nhận thức sâu sắc, toàn diện về chuyển đổi số; xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với từng giai đoạn; chỉ đạo, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực triển khai chuyển đổi số đồng bộ, sâu rộng đến các cấp, ngành, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Xác định người dân là trung tâm chuyển đổi số. Tăng cường công khai, minh bạch, khuyến khích sự tham gia và giám sát của người dân, cộng đồng trong hoạch định và thực thi chính sách. Giảm thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ công theo phương thức số, thuận tiện, dễ sử dụng. Trang bị kỹ năng số cho người dân, xây dựng và hình thành văn hóa số trong xã hội.

- Hoàn thiện môi trường pháp lý, ban hành giải pháp phù hợp, tạo động lực cho chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các ứng dụng, dịch vụ. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là yếu tố xuyên suốt, không thể tách rời để chuyển đổi số thành công và bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng chính quyền số nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cơ quan nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp, đảm bảo người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ thuận tiện mọi lúc, mọi nơi; phát triển mạnh kinh tế số, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạc Dương lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025. Phấn đấu đến năm 2030, huyện Lạc Dương cơ bản hoàn thiện và nâng cao các chỉ số về chính quyền số, xã hội số.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- *Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội:*

- + 100% các văn bản, tài liệu chính thức (ngoài trừ văn bản mật) được trao đổi, xử lý, cập nhật, khai thác văn bản điện tử có chữ ký số trên mạng máy tính giữa các cơ quan đảng và giữa cơ quan đảng với cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, được lưu trữ trong Hệ thống tin điều hành tác nghiệp của cơ quan.

+ 100% cơ quan đảng các cấp của huyện sử dụng công thông tin điện tử có tích hợp với các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng trên nền Web.

+ 100% tài liệu được số hoá kịp thời và đưa vào khai thác trên mạng máy tính theo quy định số hoá tài liệu.

- *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:*

+ Tối thiểu 80% và phần đầu 90% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

+ Tối thiểu 80% và phần đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

+ Tối thiểu 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

+ 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 100% Đài truyền thanh cơ sở hiện tại ứng dụng truyền thanh thông minh.

+ 80% hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa phục vụ lưu trữ vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu.

+ Đến năm 2025, ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn được thực hiện trực tiếp trên môi trường điện tử.

- *Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:*

+ Từng bước hình thành và phát triển lĩnh vực hoạt động kinh tế số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 10%.

+ Năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 7%.

- *Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:*

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã, thị trấn.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt 50% trở lên.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.

+ Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.

+ Huyện Lạc Dương phần đầu nằm trong top vị trí dẫn đầu các huyện, thành phố của tỉnh về chuyển đổi số.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động:*

+ Tối thiểu 90% và phần đầu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

+ Phần đầu số hóa 100% hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ giấy sang dữ liệu điện tử để lưu trữ vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu.

+ Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- *Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:*

+ Phần đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm 30% GRDP của huyện.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 20%.

+ Năng suất lao động hằng năm tăng bình quân 8%.

- *Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:*

+ Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang và phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt trên 70%.

+ Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

+ Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số và thực hiện chuyển đổi số trên tinh thần “*nhận thức*” là quyết định, “*người dân*”

là trung tâm, “*thể chế và công nghệ số*” là động lực, “*nền tảng số*” là đột phá, “*an toàn, an ninh*” là then chốt, “*chính quyền*” là tiên phong, sự vào cuộc và quyết tâm cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố đảm bảo sự thành công trong chuyển đổi số.

b) Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm về chuyển đổi số trong cơ quan, lĩnh vực và địa bàn phụ trách; gắn mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững; đẩy mạnh thanh toán điện tử, phát triển thương mại điện tử.

c) Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

a) Tổ chức triển khai hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, chương trình chuyển đổi số quốc gia và các cơ chế, chính sách của Trung ương về chuyển đổi số.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào huyện; thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để trở thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

1.3. Đầu tư phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

a) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin theo nguyên tắc đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, tăng cường dùng chung hạ tầng thông tin, tránh đầu tư trùng lặp. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số, nền tảng số tăng cường bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin.

b) Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên toàn huyện. Ưu tiên phát triển hạ tầng băng thông rộng bắt đầu từ các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông trong toàn huyện.

c) Chuyển đổi mạng Internet của huyện sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới; mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã. Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, môi trường.

1.4. Phát triển dữ liệu

a) Xây dựng, hoàn thiện CSDL các ngành, lĩnh vực; sớm hoàn thành đưa vào sử dụng Kho dữ liệu dùng chung phục vụ khai thác, xử lý, phân tích, hỗ trợ ra quyết định.

b) Xây dựng, chuẩn hóa các CSDL nền, chuyên ngành và quản lý nhà nước. Xây dựng, chuẩn hóa một số cơ sở dữ liệu về công tác tổ chức xây dựng Đảng. Hoàn thiện CSDL dân cư, doanh nghiệp, tiến hành kết nối, đồng bộ với CSDL quốc gia; tập trung hoàn thiện CSDL đất đai; phát triển CSDL hạ tầng đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy, chữa cháy, viễn thông, lưới điện,... Nâng cấp, mở rộng bản đồ nền GIS áp dụng cho các dữ liệu không gian chuyên ngành.

1.5. Phát triển nền tảng số

a) Triển khai nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử bảo đảm thiết thực, hiệu quả; xác định danh sách các nền tảng số dùng chung như: Thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, đô thị, ngân hàng số và khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các hệ thống này.

b) Triển khai, áp dụng các nền tảng số doanh nghiệp như: Quản trị doanh nghiệp; hoạch định nguồn lực doanh nghiệp tích hợp dữ liệu và phân tích kinh doanh theo nhiều hình thức (*nguồn mở, thuê dịch vụ,...*) phù hợp từng loại hình doanh nghiệp; thanh toán trực tuyến, mở rộng đa dạng các đối tác, hình thức thanh toán, nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công và các giao dịch dân sự.

1.6. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a) Triển khai hiệu quả việc giám sát thông tin mạng xã hội; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về thông tin trên không gian mạng. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số, nền tảng số tăng cường công tác bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin.

b) Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn huyện nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin.

c) Tăng cường xây dựng, đào tạo đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

d) Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường số.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực

a) Triển khai các chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, doanh nghiệp.

b) Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để trở thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

c) Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài huyện để đào tạo, thu hút các chuyên gia công nghệ số, nhân lực CNTT chất lượng cao đến đầu tư, sống và làm việc tại huyện.

d) Bổ sung nội dung đào tạo kỹ năng số phù hợp trong các cấp học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp để trang bị cho học sinh kỹ năng thích nghi, sẵn sàng cho môi trường số.

1.8. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

a) Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn trong nước và quốc tế về chuyển đổi số, đô thị thông minh. Tăng cường hợp tác, huy động nguồn lực nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, mô hình mới theo nhiều hình thức. Ưu tiên triển khai và ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học có sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu một số công nghệ lõi có thể đi tắt đón đầu, có khả năng bứt phá mạnh mẽ như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường.

c) Tạo điều kiện, khuyến khích hình thành, mở rộng các vườn ươm doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm hỗ trợ, ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo hình thành, phát triển.

2. Phát triển chính quyền số

2.1. Triển khai thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ. Đưa toàn bộ dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, mức độ 4.

2.2. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và doanh nghiệp, thực hiện

số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước (trừ các tài liệu mật) theo quy định.

2.3. Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

3. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức chính trị xã hội

Đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đảm bảo thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ. Đặc biệt cần tiên phong thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan đảng từ cấp huyện đến cơ sở; góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc và cải cách hành chính trong Đảng. Tăng cường kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số. Trong đó, tập trung xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của huyện để phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành, quản lý cụ thể như: Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị, nhất là việc lưu trữ, cập nhật hồ sơ cán bộ từ đó khai thác, sử dụng đồng bộ, hiệu quả; quản lý công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn toàn huyện; hệ thống tiếp nhận, phản hồi thông tin (*văn bản, phản ánh, kiến nghị, hình ảnh, video ...*) từ các tổ chức, doanh nghiệp và các cá nhân gửi đến các cơ quan đảng nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số. Đổi mới cách thức và phát huy hiệu quả nền tảng số để triển khai các nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; công tác nắm bắt dư luận xã hội, Lịch sử Đảng; định hướng thông tin, quản lý báo chí; lĩnh vực khoa giáo, hoạt động thông tin đối ngoại và nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

4. Phát triển kinh tế số

4.1. Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

4.2. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ phục vụ nhu cầu của xã hội, đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số.

4.3. Phát triển thương mại điện tử: Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị. Các nhà sản xuất lớn, nhà phân phối vừa và nhỏ, nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng; tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

5. Phát triển xã hội số

5.1. Tích cực phổ biến, tuyên truyền các lợi ích chuyển đổi số, nhất là cơ hội bình đẳng về tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, góp phần thu hẹp khoảng cách số, tiến đến trở thành công dân số.

5.2. Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân theo hình thức trực tuyến, thông qua báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo dễ hiểu, dễ tiếp cận; tuyên truyền về bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

5.3. Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển hệ sinh thái các ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các dịch vụ số thiết yếu, thông minh cho người dân. Tăng cường hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân điện tử, sử dụng Hệ thống thông tin chính quyền điện tử và các dịch vụ số của tỉnh, của huyện. Hướng dẫn, tuyên truyền rộng rãi để người dân, doanh nghiệp, du khách tiếp cận, sử dụng các sản phẩm công nghệ số của tỉnh, của huyện.

5.4. Tăng cường đầu tư quảng bá trên không gian mạng về các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng hình ảnh, văn hóa con người thân thiện, văn minh, cởi mở, đồng thời tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, góp phần xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

6. Chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên

6.1. Lĩnh vực y tế: Đẩy mạnh triển khai nền tảng đăng ký bác sĩ khám bệnh từ xa góp phần cải cách hành chính, giảm tải cơ sở y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, từng bước xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh, hệ thống chăm sóc sức khỏe, y tế công cộng dựa trên nền tảng công nghệ số; Triển khai Phần mềm Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, xử phạt hành chính vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.

6.2. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng nhất là người dân ở vùng khó khăn.

6.3. Lĩnh vực nông nghiệp và quản lý, bảo vệ rừng: Phát triển nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin nông sản và bảo vệ sản lượng nông sản nhằm phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu người nông dân, kết nối người nông dân và chuyên gia nông nghiệp. Triển khai các ứng dụng trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

6.4. Lĩnh vực du lịch: Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ số vào ngành du lịch huyện Lạc Dương.

6.5. Lĩnh vực tài chính: Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, kho bạc, quản lý tài chính công.

6.6. Lĩnh vực giao thông - vận tải: Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông vận tải; quản lý, giám sát người điều khiển phương tiện giao thông bằng các ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

6.7. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý về đất đai, tài nguyên, khoáng sản theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu dùng chung với các hệ thống thông tin quốc gia và các ngành, lĩnh vực khác.

6.8. Lĩnh vực công nghiệp, năng lượng: Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, ưu tiên ngành điện lực hướng đến tự động hóa các mạng lưới cung ứng điện; xây dựng, hoàn thiện hạ tầng cơ sở dữ liệu ngành điện; ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý, giám sát việc ung cấp, truyền tải, phân phối tiêu thụ điện.

6.9. Lĩnh vực xây dựng: Số hóa các hồ sơ quy hoạch nhằm cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư theo đúng quy định; tích hợp thông tin pháp lý đối với công tác quản lý dân cư, đất đai, giao thông và các dịch vụ công trong đô thị; cải cách hành chính, hiện đại hóa và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

6.10. Lĩnh vực công nghệ thông tin: Hoàn thiện trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ chính quyền số, số hóa dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý; số hóa các quy trình nghiệp vụ tại UBND Huyện; Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ thêm cho các hoạt động chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền; Ứng dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung với cấp huyện.

7. Nguồn lực chuyển đổi số:

Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp tác khác, huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Chương trình hành động Huyện ủy, trong đó xác định lộ trình, dự án bố trí ngân sách cụ thể và phân công nhiệm vụ cho các phòng, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các Ban của Huyện ủy và Văn phòng Huyện ủy giúp Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Huyện ủy và các cơ quan liên quan tổ chức học tập, quán triệt, triển khai và tuyên truyền sâu rộng kết quả thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động này của Huyện ủy trên địa bàn huyện.

4. Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động này của Huyện ủy, các cấp ủy đảng và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt và xây dựng Chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình, đặc điểm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND huyện,
- Ủy ban nhân dân huyện,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện,
- Các TCCS đảng trực thuộc,
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ

Phạm Triều